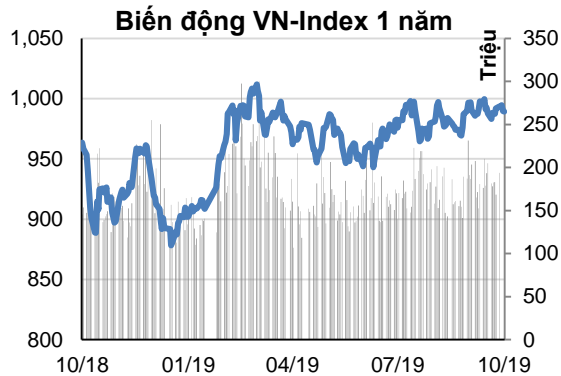


## Biến động thị trường

|                     | 18/10  | 1T (%)    | 3T (%) |
|---------------------|--------|-----------|--------|
| VN Index            | 989.20 | -0.6%     | 1.3%   |
| GTGD                | 3,431  | (Tỷ đồng) |        |
| Khối ngoại mua ròng | 41     | (Tỷ đồng) |        |

Nguồn: Bloomberg-Finpro



Nguồn: Bloomberg

## Trái phiếu và Hàng hóa

|                      | 18/10 | 1T    | 3T    |
|----------------------|-------|-------|-------|
| Lãi suất TPCP 1 năm  | 2.47% | 2.74% | 2.93% |
| Lãi suất TPCP 3 năm  | 2.65% | 2.92% | 3.34% |
| Lãi suất TPCP 10 năm | 3.72% | 4.02% | 4.59% |
| Dầu WTI (USD/thùng)  | 54.19 | 58.11 | 55.3  |
| Vàng (USD/oz)        | 1,488 | 1,501 | 1,419 |



### Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84 28) 3914 8585  
(Ext: 1464)  
hie.u.ttm@kisvn.vn  
www.kisvn.vn

## Tiếp tục thận trọng

Thị trường chứng khoán Việt Nam di chuyển trong biên độ hẹp khi cổ phiếu có sự phân hóa. VN-Index đóng cửa gần như không thay đổi, ở mức 989.20 điểm, nhưng HNX-Index lại giảm đến 0.55%. Khối lượng giao dịch chỉ còn 174 triệu cổ phiếu, tương đương 3,431 tỷ đồng giá trị.

Độ rộng thị trường tiêu cực với 151 mã giảm so với 140 mã tăng trên sàn HSX. VN30-Index và VNSmall-Index gần như không thay đổi; tuy nhiên VNMid-Index lại giảm nhẹ 0.15%.

Bất động sản hỗ trợ xu hướng trong phiên nhờ VHM (+0.6%), VRE (+0.2%), đáng chú ý là FLC tăng trần phiên thứ 5 liên tiếp.

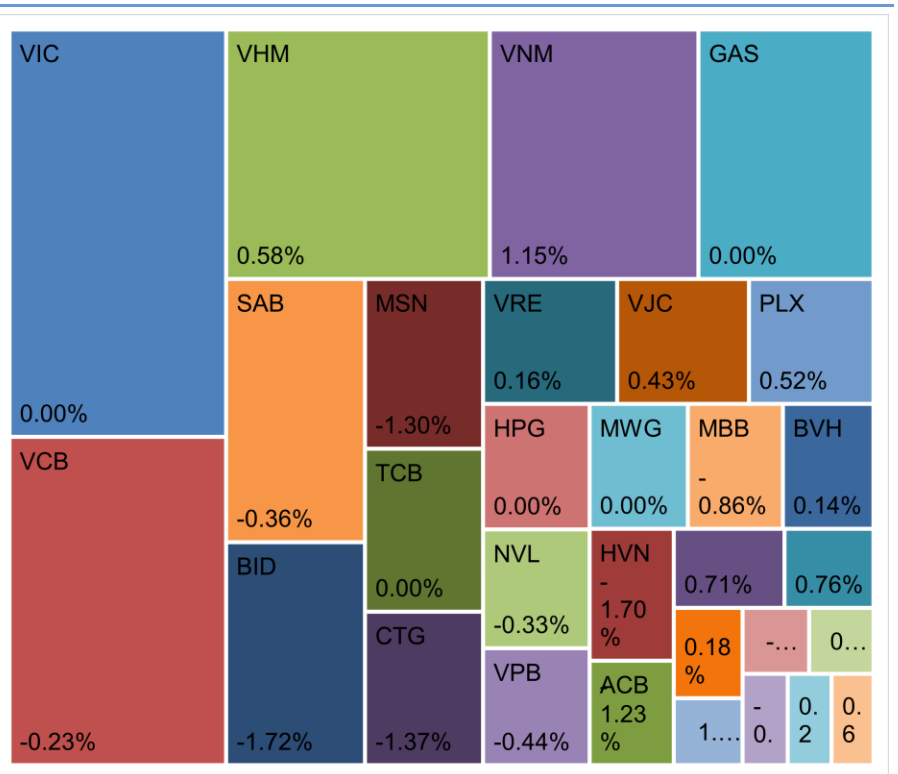
DPM, EIB, FPT, REE và VNM trong rổ VN30 nhận được dòng tiền từ nhà đầu tư, đóng cửa trong sắc xanh.

Ngược lại, áp lực bán xuất hiện trên nhóm vốn hóa lớn điển hình như BID, CTG, MSN và SSI, giá giảm hơn 1%.

Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục mua ròng với giá trị 41 tỷ đồng trên sàn HSX. Nhóm này mua mạnh các mã VNM và VCB với giá trị ròng lần lượt là 57 tỷ đồng và 19 tỷ đồng. Về phía bán, VIC, POW và MSN đứng đầu danh sách.

Tâm lý thị trường duy trì sự thận trọng, qua đó đẩy rủi ro điều chỉnh gia tăng trong ngắn hạn. Vì thế, các nhà đầu tư nên đứng bên ngoài quan sát và chờ đợi tín hiệu tiếp theo.

## Bản đồ giao dịch



# Thống kê thị trường

## SÀN GIAO DỊCH HSX

|                      |         | Tăng / Giảm | Tăng / Giảm (%) | Thống kê tăng/giảm |     |
|----------------------|---------|-------------|-----------------|--------------------|-----|
| VN-Index             | 989.20  | -0.62       | -0.1%           | SL CP tăng giá     | 140 |
| KLGD ('000 cổ phiếu) | 174,424 | -15,534     | -8.2%           | SL CP giảm giá     | 151 |
| GTGD (tỷ VND)        | 3,431   | -443        | -11.4%          | SL CP không đổi    | 88  |

### Top 5 cổ phiếu Leader

| Mã CP | Giá     | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|-------|---------|------------|----------------|
|       | VND     | VND        | Điểm           |
| VNM   | 132,500 | 1,500      | 0.77           |
| VHM   | 87,000  | 500        | 0.49           |
| PLX   | 57,900  | 300        | 0.11           |
| VJC   | 139,100 | 600        | 0.10           |
| CII   | 25,250  | 1,050      | 0.09           |

### Top 5 cổ phiếu Laggard

| Mã CP | Giá    | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|-------|--------|------------|----------------|
|       | VND    | VND        | Điểm           |
| BID   | 40,100 | -700       | -0.706         |
| MSN   | 76,000 | -1,000     | -0.345         |
| CTG   | 21,600 | -300       | -0.329         |
| HVN   | 34,700 | -600       | -0.251         |
| VCB   | 85,000 | -200       | -0.219         |

### Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

| Mã CP | Giá     | KLGD     | GTGD    |
|-------|---------|----------|---------|
|       | VND     | triệu cp | tỷ đồng |
| ROS   | 25,450  | 24.18    | 609.5   |
| VNM   | 132,500 | 1.12     | 147.8   |
| VPB   | 22,400  | 5.44     | 121.7   |
| MBB   | 23,000  | 4.08     | 94.4    |
| FPT   | 57,100  | 1.45     | 82.5    |

### Top 5 Ngành Tăng

| Ngành        | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|--------------|------------|----------------|
|              | %          | Điểm           |
| Y Tế         | 1.2%       | 0.11           |
| CNTT         | 0.6%       | 0.08           |
| Năng lượng   | 0.4%       | 0.10           |
| Khác         | 0.3%       | 0.01           |
| TD thiết yếu | 0.2%       | 0.31           |

### Top 5 Ngành Giảm

| Ngành              | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|--------------------|------------|----------------|
|                    | %          | Điểm           |
| Tài chính          | -0.5%      | -1.48          |
| Công nghiệp        | -0.2%      | -0.21          |
| Nguyên vật liệu    | -0.2%      | -0.08          |
| TD không thiết yếu | -0.1%      | -0.03          |

## SÀN GIAO DỊCH HNX

|                      |        | Tăng / Giảm | Tăng / Giảm (%) | Thống kê tăng/giảm |     |
|----------------------|--------|-------------|-----------------|--------------------|-----|
| HNX-Index            | 105.48 | -0.59       | -0.6%           | SL CP tăng giá     | 107 |
| KLGD ('000 cổ phiếu) | 26,302 | 7,870       | 42.7%           | SL CP giảm giá     | 60  |
| GTGD (tỷ VND)        | 311    | 49          | 18.8%           | SL CP không đổi    | 199 |

### Top 5 cổ phiếu Leader

| Mã CP | Giá    | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|-------|--------|------------|----------------|
|       | VND    | VND        | Điểm           |
| NVB   | 8,800  | 200        | 0.08           |
| MBG   | 38,000 | 3,400      | 0.07           |
| PGS   | 31,400 | 1,000      | 0.03           |
| INN   | 34,000 | 1,500      | 0.02           |
| SJ1   | 17,400 | 1,500      | 0.01           |

### Top 5 cổ phiếu Laggard

| Mã CP | Giá    | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|-------|--------|------------|----------------|
|       | VND    | VND        | Điểm           |
| ACB   | 24,100 | -300       | -0.50          |
| SHB   | 6,600  | -100       | -0.11          |
| VCS   | 85,200 | -1,300     | -0.04          |
| TNG   | 16,800 | -700       | -0.03          |
| SHS   | 8,000  | -200       | -0.03          |

### Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

| Mã CP | Giá    | KLGD     | GTGD    |
|-------|--------|----------|---------|
|       | VND    | triệu cp | tỷ đồng |
| ACB   | 24,100 | 1.86     | 45.1    |
| TNG   | 16,800 | 2.12     | 35.9    |
| MBG   | 38,000 | 0.60     | 22.0    |
| PVS   | 18,500 | 1.17     | 21.7    |
| SHB   | 6,600  | 2.71     | 17.9    |

### Top 5 Ngành Tăng

| Ngành        | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|--------------|------------|----------------|
|              | %          | Điểm           |
| TD thiết yếu | 1.2%       | 0.03           |
| Năng lượng   | 0.4%       | 0.04           |
| Khác         |            |                |

### Top 5 Ngành Giảm

| Ngành           | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|-----------------|------------|----------------|
|                 | %          | Điểm           |
| Y Tế            | -1.4%      | -0.03          |
| Tài chính       | -1.0%      | -0.60          |
| Nguyên vật liệu | -0.7%      | -0.03          |

# Giao dịch khối ngoại

## HOSE

### Top 5 CP nước ngoài mua ròng

| Mã CP   | Giá CP  | GT mua  | GT bán  | Mua ròng |
|---------|---------|---------|---------|----------|
|         | VND     | Tỷ đồng | Tỷ đồng | Tỷ đồng  |
| VNM     | 132,500 | 77.9    | 20.9    | 57.0     |
| VCB     | 85,000  | 33.2    | 14.2    | 19.0     |
| E1VFN30 | 15,300  | 11.0    | 2.7     | 8.3      |
| KBC     | 15,450  | 6.5     | 0.4     | 6.2      |
| GAS     | 101,000 | 8.3     | 2.5     | 5.8      |

### Top 5 CP nước ngoài bán ròng

| Mã CP | Giá CP  | GT mua  | GT bán  | Mua ròng |
|-------|---------|---------|---------|----------|
|       | VND     | Tỷ đồng | Tỷ đồng | Tỷ đồng  |
| VIC   | 117,000 | 16.2    | 37.4    | -21.2    |
| POW   | 13,300  | 13.2    | 27.9    | -14.7    |
| MSN   | 76,000  | 8.6     | 21.9    | -13.3    |
| NVL   | 60,100  | 2.5     | 12.6    | -10.1    |
| CII   | 25,250  | 0.2     | 9.7     | -9.5     |

## HNX

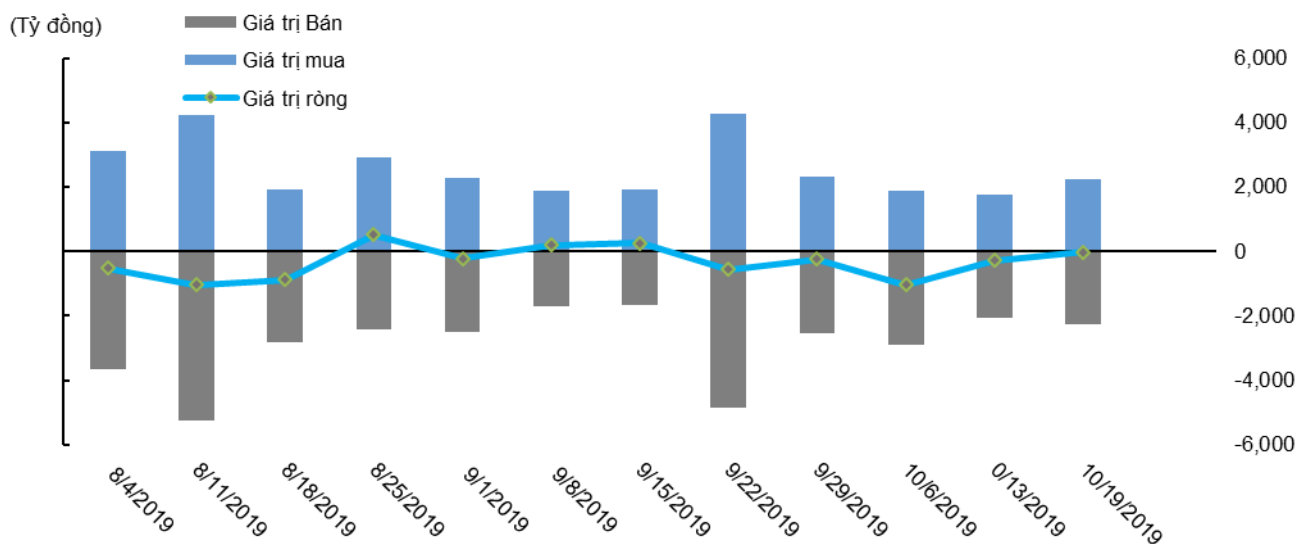
### Top 5 CP nước ngoài mua ròng

| Mã CP | Giá CP | GT mua  | GT bán  | Mua ròng |
|-------|--------|---------|---------|----------|
|       | VND    | Tỷ đồng | Tỷ đồng | Tỷ đồng  |
| SHB   | 6,600  | 1.1     | 0.0     | 1.1      |
| TNG   | 16,800 | 1.0     | 0.0     | 1.0      |
| SLS   | 47,600 | 0.2     | 0.0     | 0.2      |
| LAS   | 7,100  | 0.2     | 0.0     | 0.2      |
| IDV   | 37,000 | 0.1     | 0.0     | 0.1      |

### Top 5 CP nước ngoài bán ròng

| Mã CP | Giá CP | GT mua  | GT bán  | Mua ròng |
|-------|--------|---------|---------|----------|
|       | VND    | Tỷ đồng | Tỷ đồng | Tỷ đồng  |
| SRA   | 9,400  | 0.2     | 1.2     | -1.0     |
| HUT   | 2,600  | 0.0     | 0.8     | -0.8     |
| INN   | 34,000 | 0.0     | 0.6     | -0.6     |
| SHS   | 8,000  | 0.0     | 0.5     | -0.5     |
| NTP   | 39,400 | 0.0     | 0.4     | -0.3     |

## Diễn biến giao dịch khối ngoại



## Lịch sự kiện

| Ngày GDKHQ | Ngày thực hiện | Mã  | Sàn   | Nội dung sự kiện                | Tỷ lệ | Giá trị |
|------------|----------------|-----|-------|---------------------------------|-------|---------|
| 21/10/2019 | 26/12/2019     | CCL | HSX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt        | 5%    | 500     |
| 21/10/2019 | 05/11/2019     | CSV | HSX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt        | 10%   | 1,000   |
| 21/10/2019 | 14/11/2019     | IN4 | Upcom | Trả cổ tức bằng tiền mặt        | 10%   | 1,000   |
| 21/10/2019 | 05/11/2019     | NBR | Upcom | Đại hội Cổ đông Bất thường      |       |         |
| 21/10/2019 | 11/11/2019     | PHC | HSX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt        | 8%    | 800     |
| 21/10/2019 | 21/10/2019     | PHC | HSX   | Phát hành cổ phiếu              | 10%   |         |
| 21/10/2019 | 22/11/2019     | TCD | HSX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt        | 5%    | 500     |
| 21/10/2019 | 20/11/2019     | VOC | Upcom | Trả cổ tức bằng tiền mặt        | 12%   | 1,200   |
| 22/10/2019 |                | SRF | HSX   | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản |       |         |
| 23/10/2019 |                | BDC | Upcom | Đại hội Cổ đông Bất thường      |       |         |
| 23/10/2019 | 12/11/2019     | HC3 | Upcom | Trả cổ tức bằng tiền mặt        | 10%   | 1,000   |
| 23/10/2019 | 12/11/2019     | HMC | HSX   | Đại hội Cổ đông Bất thường      |       |         |
| 24/10/2019 |                | HNP | Upcom | Đại hội Cổ đông Bất thường      |       |         |
| 24/10/2019 | 29/11/2019     | KBC | HSX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt        | 5%    | 500     |
| 24/10/2019 | 20/11/2019     | NQN | Upcom | Trả cổ tức bằng tiền mặt        | 5%    | 536     |
| 24/10/2019 | 18/11/2019     | SLS | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt        | 50%   | 5,000   |
| 25/10/2019 |                | HIZ | Upcom | Đại hội Cổ đông Bất thường      |       |         |
| 25/10/2019 | 12/11/2019     | IDI | HSX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt        | 5%    | 500     |
| 25/10/2019 | 25/10/2019     | IDI | HSX   | Phát hành cổ phiếu              | 15%   |         |
| 25/10/2019 | 25/10/2019     | NTP | HNX   | Phát hành cổ phiếu              | 10%   |         |
| 25/10/2019 |                | PRO | Upcom | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản |       |         |

## Liên hệ

### Trụ sở chính

Tầng 3, Tòa nhà TNR,  
180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.  
ĐT: (+84 28) 3914 8585  
Fax: (+84 28) 3821 6899

### PGD Phạm Ngọc Thạch

Lầu 03, 62A Phạm Ngọc Thạch,  
Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84 28) 7108 1188  
Fax: (+84 28) 3820 9229

### Chi nhánh Hà Nội

Lầu 06, Tòa nhà CTM,  
299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (+84 24) 3974 4448  
Fax : (+84 24) 3974 4501

### PGD Bà Triệu

Lầu 06, 74 Bà Triệu, P. Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (+84 24) 7106 3555  
Fax: (+84 24) 3632 0809

### PGD Láng Hạ

P.504A, Lầu 05, Tòa nhà TĐL,  
22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84 24) 7108 1188  
Fax : (+84 24) 3244 4150

## Phòng Phân tích

### Hoàng Huy

Trưởng phòng Phân tích  
(+84 28) 3914 8585 (x1450)  
huy.hoang@kisvn.vn

## Phòng Môi Giới Khách hàng Tổ chức

### Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng Môi Giới Khách hàng Tổ chức  
(+84 28) 3914 8585 (x1444)  
uyen.lh@kisvn.vn

## Khuyến cáo

Bản báo cáo này do **Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)** phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra - một cách ẩn ý hay rõ ràng - bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ý thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.